

TÌM HIỂU MỘT SỐ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN



BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHU ĐÔ THỊ KHU DÂN CƯ (Điều 57 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020)

1. Bảo vệ môi trường khu đô thị, khu dân cư tập trung phải thực hiện theo nguyên tắc phát triển bền vững gắn với việc duy trì các yếu tố tự nhiên, văn hóa, lịch sử và bảo đảm tỷ lệ không gian xanh, yêu cầu về cảnh quan, vệ sinh môi trường theo quy hoạch.

2. Khu đô thị, khu dân cư tập trung phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường bao gồm:

a) Mạng lưới cấp, thoát nước, công trình vệ sinh nơi công cộng đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; hệ thống thu gom, xử lý nước thải đồng bộ, phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt; trường hợp khu đô thị, khu dân cư tập trung đã hình thành trước ngày Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực thi hành mà không bố trí được quỹ đất xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải thì thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 86 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

b) Thiết bị, phương tiện, địa điểm để phân loại tại nguồn, thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân trong khu đô thị, khu dân cư tập trung;

c) Có diện tích cây xanh, mặt nước, không gian thoáng trong khu đô thị, khu dân cư tập trung theo quy định của pháp luật.

3. Công viên, vườn hoa, cây xanh, mặt nước, đường giao thông công cộng, hệ sinh thái

tự nhiên phải được bảo vệ, giữ gìn, tôn tạo, đáp ứng yêu cầu về mỹ quan, bảo vệ môi trường và không được lấn chiếm, san lấp, sử dụng sai mục đích.

4. Khu dân cư, cụm dân cư phân tán phải có địa điểm lưu giữ tạm thời chất thải rắn sinh hoạt bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường trước khi vận chuyển đến địa điểm xử lý theo quy định.

5. Chủ dự án đầu tư khu đô thị, khu dân cư tập trung phải thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 57 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN (Điều 58 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020)

1. Yêu cầu về bảo vệ môi trường nông thôn được quy định như sau:

a) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp, chế biến phải phù hợp với quy hoạch, tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm không ảnh hưởng đến chất lượng môi trường xung quanh; chất thải phải được thu gom, tái sử dụng, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường;

b) Cụm dân cư nông thôn phải có hệ thống thoát nước và biện pháp xử lý nước thải phù hợp; điểm tập kết chất thải phải được bố trí hợp lý; không chăn, thả động vật nuôi gây mất vệ sinh nơi công cộng; khuyến khích hoạt động tự quản về bảo vệ môi trường;

c) Cảnh quan, cây xanh, ao hồ, hệ sinh thái nước mặt, nguồn nước phải được giữ gìn, bảo vệ, phục hồi và cải tạo;

d) Chất thải phát sinh trên địa bàn nông thôn phải được quản lý theo quy định của pháp luật; chất thải sinh hoạt hữu cơ, chất thải từ chăn nuôi, chế biến và phụ phẩm nông nghiệp phải được thu hồi, tái sử dụng hoặc làm nguyên liệu sản xuất;

đ) Chất lượng môi trường nông thôn phải được theo dõi, đánh giá; khu vực ô nhiễm phải được xác định, khoanh vùng, xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường và thực hiện biện pháp cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường.

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NƠI CÔNG CỘNG

(Điều 59 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, được sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường)

1. Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm thực hiện quy định về bảo vệ môi trường và giữ gìn vệ sinh nơi công cộng; phân loại, chuyển rác thải vào từng loại thùng chứa rác công cộng hoặc đúng nơi quy định tập trung rác thải; không để vật nuôi gây mất vệ sinh nơi công cộng.

2. Tổ chức, cá nhân quản lý công viên, khu vui chơi, giải trí, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, chợ, nhà ga, bến xe, bến tàu, bến cảng, bến phà và khu vực công cộng khác có trách nhiệm sau đây:

a) Bố trí nhân lực thu gom chất thải, làm vệ sinh môi trường trong phạm vi quản lý; có nhân

sự, tổ hoặc đội bảo vệ môi trường để kiểm tra, giám sát;

b) Xây dựng, lắp đặt công trình vệ sinh công cộng, công trình xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; có phương tiện, thiết bị thu gom, quản lý, xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường;

c) Ban hành, niêm yết công khai và tổ chức thực hiện quy định, quy chế về giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường nơi công cộng thuộc phạm vi quản lý;

d) Phát hiện kịp thời vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân và kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp giấy phép xây dựng trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 59 và khoản 1 Điều 66 Luật Bảo vệ môi trường lấy ý kiến bằng văn bản của cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cùng cấp đối với hồ sơ về công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ, thiết bị thu gom và lưu chứa tạm thời chất thải của dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, trừ trường hợp dự án đã được phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cấp giấy phép môi trường.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức quản lý vệ sinh công cộng; quy định định mức kinh tế - kỹ thuật về vệ sinh công cộng; định giá dịch vụ vệ sinh công cộng trên địa bàn theo quy định của pháp luật về giá.

Mẫu số 02-TP-TGPL
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2023/TT-BTP)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

ĐƠN YÊU CẦU TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

Kính gửi: Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tuyên Quang.

I. Phần thông tin dành cho người được trợ giúp pháp lý

Họ và tên:
Ngày tháng năm sinh: Giới tính :
Số CMND/Số thẻ CCCD/Số định danh:
Địa chỉ liên hệ:
Điện thoại:
Diện người được TGPL:

II. Phần thông tin dành cho người yêu cầu trợ giúp pháp lý

Họ và tên:
Số CMND/Số thẻ CCCD/Số định danh:
Địa chỉ:
Điện thoại:
Mối quan hệ với người được TGPL:

III. Nội dung vụ việc trợ giúp pháp lý

1. Tóm tắt yêu cầu trợ giúp pháp lý
.....
2. Yêu cầu hình thức trợ giúp pháp lý:
Tư vấn pháp luật ☐
Tham gia tố tụng ☐
Đại diện ngoài tố tụng ☐
3. Tài liệu gửi kèm theo đơn
Tôi xin cam đoan lời trình bày trên là đúng sự thật. Đề nghị Trung tâm xem xét trợ giúp pháp lý.

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ)

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ:

1. Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tuyên Quang
Số 6, đường chiến thắng Sông Lô, phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang.
Số điện thoại: 0207.3827371 - 0207.3820636.

2. Chi nhánh trợ giúp pháp lý
Đường Trần Quốc Toàn, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang.
Số điện thoại: 0219.3862015.

